TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7 - 2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Chung Kim Sang**

Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: **Bà Võ Thị Hồng Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trần Thị T**; sinh năm 1986 *(Có mặt)*

Địa chỉ thường trú: Số 538 đường C, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện tại: Số 487/27A đường T, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Ông Chiêm Tấn T1**; sinh năm 1983 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ thường trú: Số 538 đường C, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:***

Bà và ông Chiêm Tấn T1 tự nguyện yêu thương và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, sau đó có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân

phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122 ngày 15/6/2016.

Quá trình chung sống giữa bà và ông T1 phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, cải vã do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, nguyên nhân do ông T1 không quan tâm chăm sóc vợ con mà thường xuyên tụ tập bạn bè cờ bạc, ăn chơi, có khi bỏ đi vài tháng mới về nhà một lần, có khi còn có hành vi bạo lực gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà T xin được ly hôn với ông Chiêm Tấn T1.

- Về con chung: Bà T xác định quá trình chung sống giữa bà và ông T1 có 01 (một) người con chung tên Chiêm Hân L - sinh ngày 04/11/2012. Bà T yêu cầu giao con chung cho bà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản đối với người khác.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị T xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Chiêm Tấn T1 và yêu cầu về việc nuôi con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con; ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

*** Đối với bị đơn ông Chiêm Tấn T1:** Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ cư trú của ông T1 và niêm yết các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay theo quy định pháp luật; tuy nhiên ông T1 không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, ông Chiêm Tấn T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

*** Tại Biên bản trình bày nguyện vọng đề ngày 03/3/2023**, cháu Chiêm Hân L- sinh ngày 04/11/2012 (là con chung giữa ông Chiêm Tấn T1 và bà Trần Thị T) xác định nguyện vọng được sống cùng với bà Trần Thị T nếu cha mẹ cháu ly hôn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ trình

tự thủ tục theo luật định; về những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc xin ly hôn với ông Chiêm Tấn T1 và yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Chiêm Tấn T1; địa chỉ cư trú tại: Số 538 đường C, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" và theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Ông Chiêm Tấn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, bà T đồng ý xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định pháp luật; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông Chiêm Tấn T1.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Chiêm Tấn T1, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà T và ông T1 kết hôn, chung sống với nhau hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2011, đến năm 2016 thì tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/6/2016, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử nhận định:

Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà T và ông T1 phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn; nguyên nhân theo bà T xác định do bất đồng quan điểm sống, ông T1 không quan tâm chăm sóc vợ con, thường tụ tập bạn bè cờ bạc, bỏ bê gia đình, khi xảy ra mâu thuẫn cãi vả thì có lần còn dùng vũ lực với bà; từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm, bà và ông T1 đã không chung sống cùng nhau từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan

tâm và dành tình cảm cho nhau nữa. Tại phiên tòa, bà T xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn, không còn tình cảm do đó bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T1.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, phía ông Chiêm Tấn T1 đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, tuy nhiên ông T1 không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc phản đối lời trình bày của bà T cũng như các chứng cứ do bà T cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án, xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông.

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, ông T1 cũng không có mặt tại Tòa án và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; từ đó xét thấy giữa bà T và ông T1 đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, xử cho bà T được ly hôn với ông Chiêm Tấn T1.

[5] Xét yêu cầu của bà T về việc nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà T và ông T1 chung sống có 01 (một) người con chung tên Chiêm Hân L - sinh ngày 04/11/2012. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T xác định con hiện đang sống cùng bà, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, được đảm bảo đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp để sinh sống, học tập và phát triển; đồng thời bà T cũng không cản trở việc ông T1 thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; do đó bà T xác định giữ nguyên yêu cầu về việc giao con chung cho bà tiếp tục nuôi dưỡng, bà xác định bản thân đủ khả năng kinh tế để nuôi con nên không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Phía ông Chiêm Tấn T1, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của bà T về việc nuôi con chung.

Xét yêu cầu của bà T về việc nuôi con chung là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp nguyện vọng của cháu Long; do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Chiêm Hân L cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng; riêng ông T1 vẫn được đảm bảo quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định quá trình chung sống bà và ông T1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Do ông Chiêm Tấn T1 không có lời khai tại Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nếu sau này ông T1 có yêu cầu về việc nuôi con chung, về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện độc lập.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Chiêm Tấn T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung giữa bà Trần Thị T và ông Chiêm Tấn T1 là cháu Chiêm Hân L - sinh ngày 04/11/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà T đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000219 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/7/2023). Riêng bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến